TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 60/2019/ DS-PT
Ngày 13- 6 - 2019

V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Sử

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Đoàn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân* tỉnh *Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 13 tháng 6 N 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 N 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm sự số: 01/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 N 2019 của Toà án nhân dân huyện CĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 N 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Kim T, sinh N: 1948; Bà Nguyễn Thị N, sinh N: 1970.

Địa chỉ: 152/12A, đường YB, Phường X, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Ông Nguyễn Kim T, sinh N: 1948; Địa chỉ: 152/12A, đường YB, Phường X, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Phạm Văn N, sinh N: 1948.

Địa chỉ: Tổ Y, thôn TX, xã BC, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn L, sinh N: 1972; Địa chỉ: Thôn Z, xã SR, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do có sự quen biết với nhau từ trước nên ông Phạm Văn N, ông Phan Văn L có hỏi mượn ông Nguyễn Kim T tiền để làm ăn, ông Nguyễn Kim T không có tiền mặt nên đã thế chấp quyền sử dụng đất của mình để vay Ngân hàng số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ N trăm triệu đồng). Sau khi vay được số tiền trên ông Nguyễn Kim T giữ lại 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), cho ông N mượn 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) và có thỏa thuận lãi suất như lãi suất Ngân hàng. Đến hạn trả nợ L bỏ trốn, ông N không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên ông N có lập văn bản cam kết vào ngày 18/12/2011 là vợ chồng ông Nguyễn Kim T sẽ đứng ra trả cho nợ Ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng và tiền lãi là 348.000.000 đồng trước, ông N và ông L có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Kim T số tiền là 1.448.000.000đ trong thời gian sớm nhất. Sau khi có văn bản cam kết này thì vợ chồng ông Nguyễn Kim T đã đứng ra trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 1.100.000.000đ và 348.000.0000đ theo giấy nộp tiền ngày 20/12/2011.

Đến ngày 18/12/2012 ông N chỉ trả được tiền lãi 1%/tháng là 70.000.000đ và ông N có ký văn bản trả tiền gốc vào ngày 30/6/2013 là 1.448.000.000đ, tiền lãi 1%/tháng vào ngày 31/3/2013. Song đến ngày 30/6/2015 ông N chỉ trả lãi được 50.850.000đ, còn nợ tiền lãi là 507.010.000đ rồi không thanh toán nữa.

Do nhiều lần vợ chồng ông Nguyễn Kim T đòi nợ theo như thỏa thuận thì ông N cố tình không chịu trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Kim T, còn ông L thì cố tình lẫn trốn ở nhiều nơi nên vợ chồng ông Nguyễn Kim T đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông N có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Kim T số tiền 1.448.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 507.010.000đ, tổng cộng là 1.955.010.000đ. Tại tòa ông T, bà N xác định không tranh chấp hợp đồng "vay tài sản" mà chỉ "đòi thực hiện nghĩa vụ trả tiền" như văn bản thỏa thuận cam kết giữa ông Phạm Văn N với ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị N ngày 18/12/2011, yêu cầu ông Phạm Văn N phải hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Kim T số tiền 1.448.000.000đ (gồm 1.100.000.000đ tiền gốc và 348.000.000đ tiền lãi) mà vợ chồng ông T đã trả cho ngân hàng theo như cam kết và không yêu cầu trả lãi suất.

Trong quá trình tố tụng ông Phạm Văn N trình bày:

Theo văn bản ngày 20/8/2015 của ông Phạm Văn N thì ông N đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 71/2015/TB-TLVA ngày 22/7/2015 do Tòa án tống đạt hợp lệ, ông N cho rằng ông Nguyễn Kim T và bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông N trả tiền cho ông T, bà N là không đúng vì ông N không nợ cá nhân với ông T, bà N mà ông N chỉ đưa tiền hỗ trợ cho ông T, bà N lúc gặp khó khăn (có trách nhiệm với nhau) mà trách nhiệm trả nợ chính là ông Phan Văn L. Ông xác nhận là ông có ký vào văn bản thỏa thuận và cam kết ngày 18/12/2011 là vì trước đó giữa ông và ông L và ông T có văn bản thỏa thuận và cam kết thực hiện ngày 19/9/2009 về việc vay tiền và sử dụng tiền vay tại Ngân hàng. Ông N cho

rằng ông chỉ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn ông L là người bị kiện mới đúng. Do đó qua yêu cầu khởi kiện của ông T bà N, ông N không đồng ý và ông không phải có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L trình bày:

Trước đây do hoàn cảnh làm ăn thua lỗ nên ông L bỏ đi khỏi địa phương để gầy dựng sự nghiệp bản thân. Nay ông về địa phương thì được biết ông T, bà N khởi kiện ông N là cha vợ của ông L đòi trả tiền cho ông T, bà N số tiền 1.100.000.000đ tiền gốc và 348.000.000đ tiền lãi là không đúng, ông N không liên quan gì đến số tiền nói trên và ông Phan Văn L cho rằng số tiền trên ông L là người chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T, bà N.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CĐ quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp đòi thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền"

Buộc ông Phạm Văn N hoàn trả cho ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị N số tiền 1.448.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Phạm Văn N phải nộp 55.440.000 đồng (N mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị N được hoàn trả 35.338.000 (Ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ (Theo biên lai thu tiền số 09141 ngày 21/7/2015)

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, bị đơn ông N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Văn L đồng ý trả cho ông Nguyễn Kim T và bà Vũ Thị N 1.448.000.000đ số tiền gốc và 1% lãi suất tính từ 18/12/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ (31/10/2019).

Ông Nguyễn Kim T và ông Phạm Văn N đồng ý với ý kiến của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán tuân thủ đúng quy định tố tụng và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng quy định pháp luật, không vi phạm về thủ tục tố tụng dân sự, kháng cáo đúng quy định, trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm

Về nội dung: Thoả thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bên thỏa thuận với nhau, theo đó ông L đồng ý trả cho ông T, bà N 1.448.000đ số tiền gốc vào ngày 31/10/2019 và lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 18/12/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ông N và ông T đồng ý với ý kiến của ông L. Thoả thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Về án phí dân sự : Án phí dân sự sơ thẩm do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, ông N và ông T mỗi người phải chịu ½, án phí dân sự phúc thẩm ông N phải chịu. Tuy nhiên ông T và ông N đều là những người cao tuổi, tại phiên tòa, ông N và ông T đều có yêu cầu xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho các đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện CĐ. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Phan Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông T, bà N 1.448.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng) vào ngày 31/10/2019.

Về án phí: Miễn Toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn N và ông Nguyễn Kim T.

Hoàn trả cho ông T, bà N 35.338.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 09141 ngày 21/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ

Kể từ ngày (18/12/2011) ông Phan Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1%/tháng cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 6 N 2019).

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

-. Các đương sự;
-. TAND huyện CĐ;
-. VKSND tỉnh BR-VT;
-. Chi cục THA DS huyện CĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐẶNG VĂN SỬ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐOÀN NGỌC THIỆN; TRƯƠNG VĂN TÂM **ĐẶNG VĂN SỬ**